

SÓT NHAU SAU HÚT THAI VÀ CÁC YẾU TỐ LIÊN QUAN

*BS CKII Dương Phương Mai
Ths.BS Nguyễn Thị Bích Ty*

- Đặt vấn đề
- Mục tiêu NC
- Tổng quan
- Đối tượng và phương pháp NC
- Kết quả và bàn luận
- Kết luận
- Kiến nghị

ĐẶT VẤN ĐỀ

- Sốt nhau là vấn đề lâm sàng thường gặp, xảy ra sau phá thai nội khoa, ngoại khoa, sanh thường hoặc mổ lấy thai.
- Các yếu tố liên quan: tuổi mẹ, tuổi thai, UXTC, tư thế TC, bất thường TC, kinh nghiệm người làm thủ thuật...
- Chẩn đoán thường dựa vào siêu âm.
- Siêu âm chưa phân biệt được nhau với máu cục.
- Điều trị chuẩn thường là hút kiểm tra buồng tử cung
- biến chứng: chảy máu, nhiễm trùng, tổn thương tử cung, TNTC, vô kinh, vô sinh...

ĐẶT VẤN ĐỀ

- Chẩn đoán sốt nhau là một thách thức lâm sàng, đặc biệt do hậu quả hút BTC không cần thiết.
- Nhằm góp phần hạn chế nguy cơ sốt nhau và có hướng xử trí thích hợp khi nghi ngờ sốt nhau → NC đề tài: Sốt nhau sau hút thai và các yếu tố liên quan tại khoa KHGD bệnh viện Từ Dũ.

MỤC TIÊU NGHIÊN CỨU

- Xác định tỉ lệ sót nhau (mô học) ở những bệnh nhân siêu âm nghi ngờ sót nhau.
- Khảo sát một số yếu tố liên quan sót nhau: tuổi thai, UXTC, bất thường TC, tư thế TC...
- Xác định giá trị của một số hình ảnh siêu âm nghi ngờ sót nhau.

5

TỔNG QUAN

- **Y văn:** Những yếu tố nguy cơ(PT nội khoa, ngoại khoa): tuổi thai, dị dạng TC, tư thế TC, UXTC, VMC, người làm thủ thuật...**Hình ảnh SA nghi ngờ:** Khối echo kém, dày hoặc hỗn hợp
- **Ido Ben-Ami (2005):** 45.5% có sót nhau (mô học/ SA nghi ngờ), 87.5% có sót nhau (mô học/ lâm sàng + SA), 62.5% sót nhau (mô học/lâm sàng). Không có sự khác biệt có ý nghĩa về tiền sử sản khoa và phụ khoa giữa phụ nữ có và không có sót nhau
- **Maslovitz S (2004):** Hầu hết các mẫu hút lại vì nghi ngờ sót nhau không có mô nhau. Không có sự khác biệt có ý nghĩa về tuổi mẹ, số lần mang thai, số con, VMC,TC sót nhau, thời gian hút lại giữa 2 nhóm.

6

ĐỐI TƯỢNG NGHIÊN CỨU

- Phụ nữ hút thai 6 – 12 tuần có siêu âm nghi ngờ sót nhau tại khoa KHGD bệnh viện Từ Dũ.

7

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

- **Thiết kế:** hồi cứu cắt ngang mô tả
- **Chọn mẫu:** ngẫu nhiên liên tục
- **Cỡ mẫu:** $n = Z^2 \frac{p(1-p)}{d^2}$
n:cỡ mẫu tối thiểu
p:tỉ lệ sót nhau (GPBL)/SA nghi sót nhau(nc Ido Ben- Ami) 45%
Độ tin cậy 95%, $Z_{1-\alpha/2} = 1,96$
d:độ chính xác tuyệt đối (10%)
n=96 **NC 149** trường hợp

8

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

- **Tiêu chuẩn thu nhận:**
Hút thai 6 -12 tuần
Siêu âm nghi ngờ sót nhau
Hút kiểm tra BTC
Gởi GPBL
- **Tiêu chuẩn loại trừ:**
Phá thai nội khoa
Phá thai > 12 tuần
Hình ảnh SA BTC bình thường.
Bệnh lý nguyên bào nuôi
Không đồng ý tham gia NC

9

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

- **Các hình ảnh siêu âm nghi ngờ:**
-Ứ dịch lòng TC nhiều-Chưa loại trừ SN
-TD sót nhau
-Sót nhau
-Sót thai

10

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

- **Tiêu chuẩn vàng:** GPBL
- **Thu thập số liệu:** theo các biến số NC hồ sơ phá thai
- **p<0.05:** có ý nghĩa
- **Xử lý và phân tích số liệu:**

SPSS 16.0

11

KẾT QUẢ VÀ BÀN LUẬN

Đặc điểm nhóm nghiên cứu:

	Trung bình	Tỉ lệ (%)
Tuổi thai	8 ± 2 (tuần)	
Tuổi mẹ	31 ± 8 (tuổi)	
Thời gian hút lại	15 ± 10 (ngày)	
Nội thành		51.7
Nội trợ		44.3

12

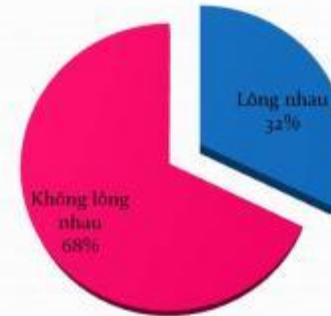
KẾT QUẢ

- Phân bố theo kết quả mô học:

Mô học	n	%
Lông nhau	48	32.2
Màng rụng	24	16.1
Viêm NMTC	35	23.5
NMTC gđ phát triển	12	8.1
Máu đông	4	2.7
Arias-Stella	3	2.0
Mô viêm hoại tử	19	12.8
Phản ứng màng rụng	2	1.3
Chất nhày	2	1.3
Tổng cộng	149	100

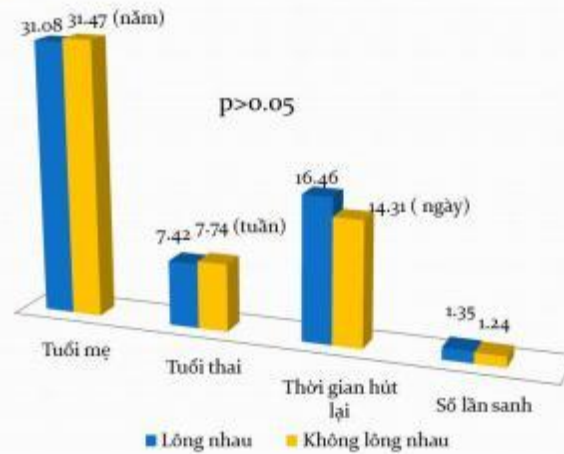
13

Tỉ lệ có lông nhau



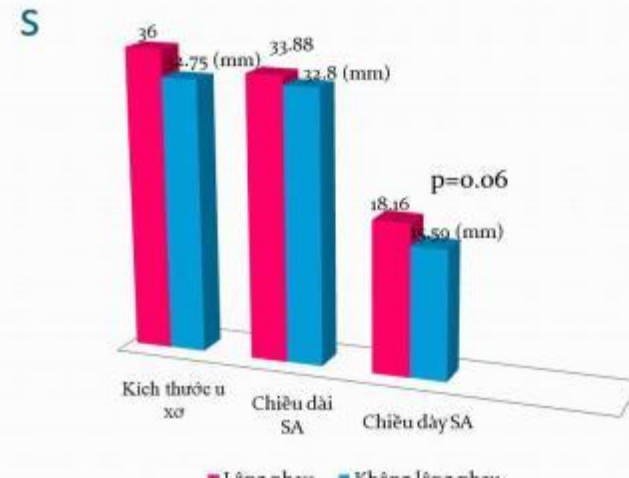
14

Tuổi mẹ, tuổi thai, thời gian hút lại, số lần sanh giữa 2 nhóm



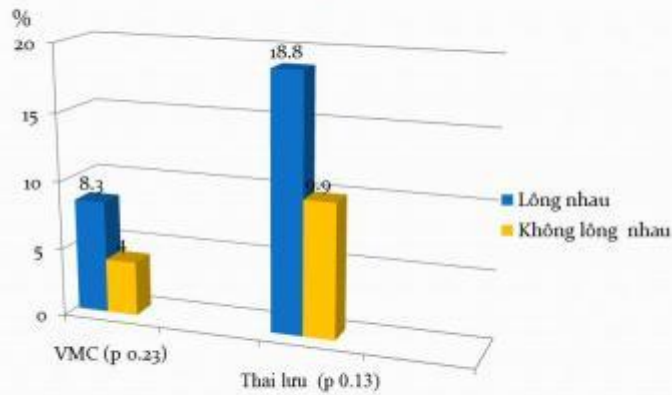
15

Kích thước u xơ, kích thước khối SA, giữa 2 nhóm



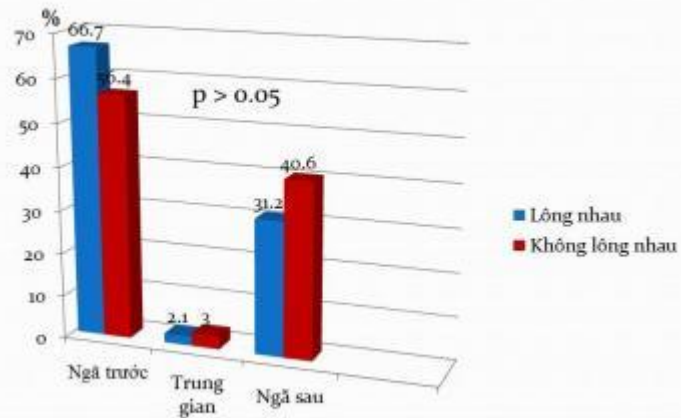
16

Phân bố VMC, thai lưu giữa 2 nhóm



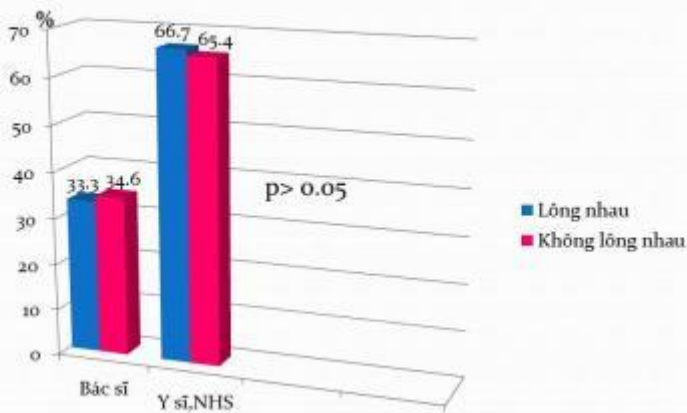
17

Phân bố tư thế tử cung giữa 2 nhóm



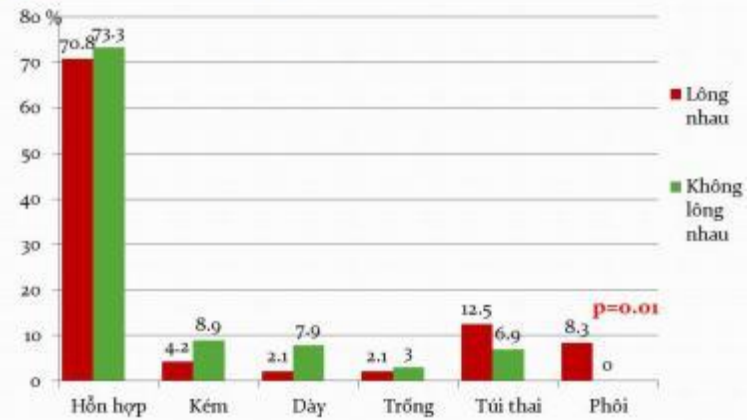
18

Phân bố người thực hiện giữa 2 nhóm



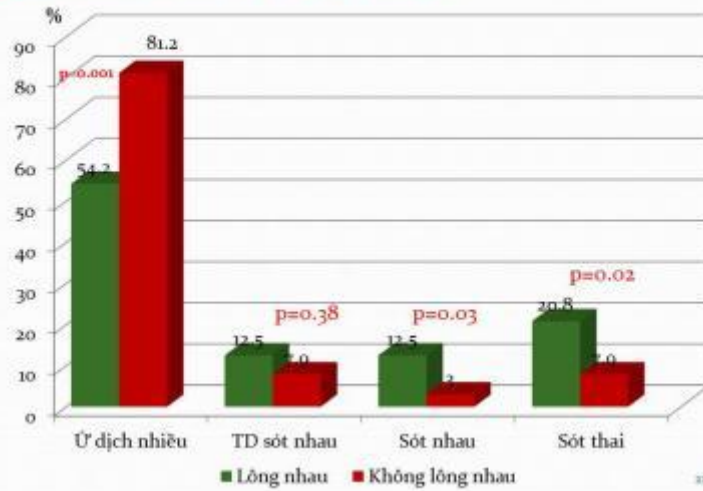
19

Hình ảnh siêu âm giữa 2 nhóm



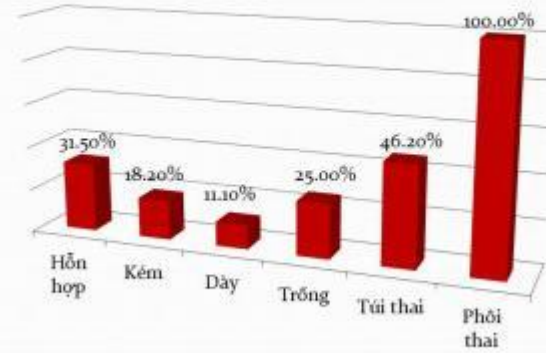
20

Chẩn đoán siêu âm giữa 2 nhóm



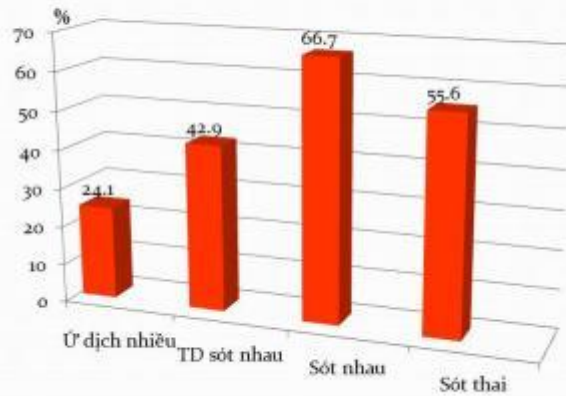
21

Giá trị của các hình ảnh siêu âm



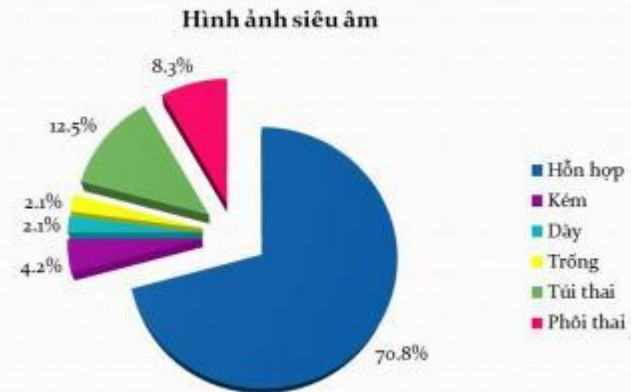
22

Giá trị của các chẩn đoán siêu âm



23

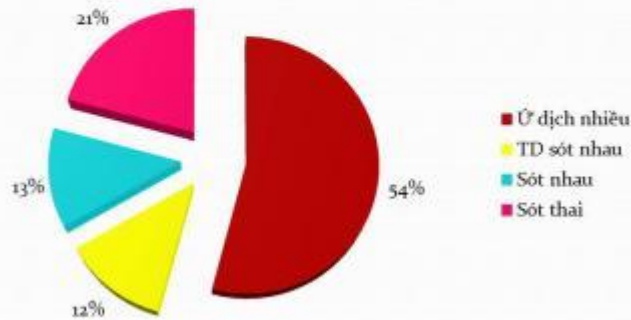
Hình ảnh siêu âm trong nhóm có lông nhau



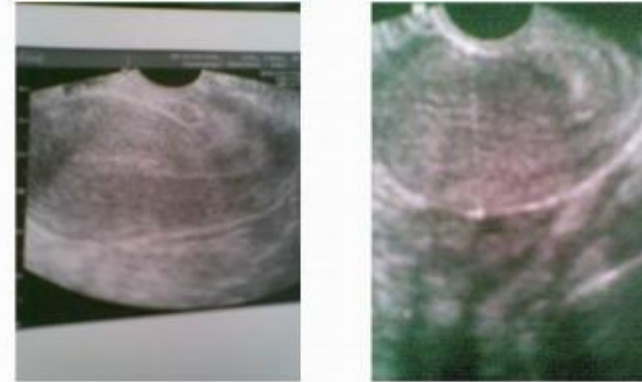
24

Chẩn đoán siêu âm trong nhóm có lông nhau

Chẩn đoán siêu âm



Một số hình ảnh siêu âm



Hình ảnh BTC trống



SA: dịch hỗn hợp
GPB: ViêmNMTC-
Không lông nhau



SA: Echo hỗn hợp
GPB: Nhiều lông nhau



SA: Khối echo dày
(NMTC dày) 15.3mm
GPB: Lông nhau



SA: Echo kém
GPB: Máu cục-không
lông nhau



SA: NMTC bất thường
GPB: TB nội mạc, BC, máu cục-Không lông nhau



SA: Khối echo dày
GPB: Lông nhau

KẾT LUẬN

- Tỉ lệ có lông nhau ở bệnh nhân SA nghi sót nhau là 32.2%.
- Chưa tìm thấy mối liên quan có ý nghĩa giữa sót nhau với các yếu tố: tuổi mẹ, tuổi thai, thai lưu, thời gian hút lại, VMC, UXTC...
- Chưa tìm thấy mối liên quan có ý nghĩa giữa sót nhau với kích thước khối siêu âm cũng như các hình ảnh siêu âm ngoại trừ hình ảnh phôi thai.

KIẾN NGHỊ

- Khi SA nghi sót nhau, nếu khám lâm sàng ổn, nên điều trị nội khoa trước khi quyết định hút kiểm tra BTC → giảm tỉ lệ thủ thuật xâm lấn không cần thiết.
- Cần đề phòng biến chứng sót nhau ở tất cả các trường hợp hút thai.

